

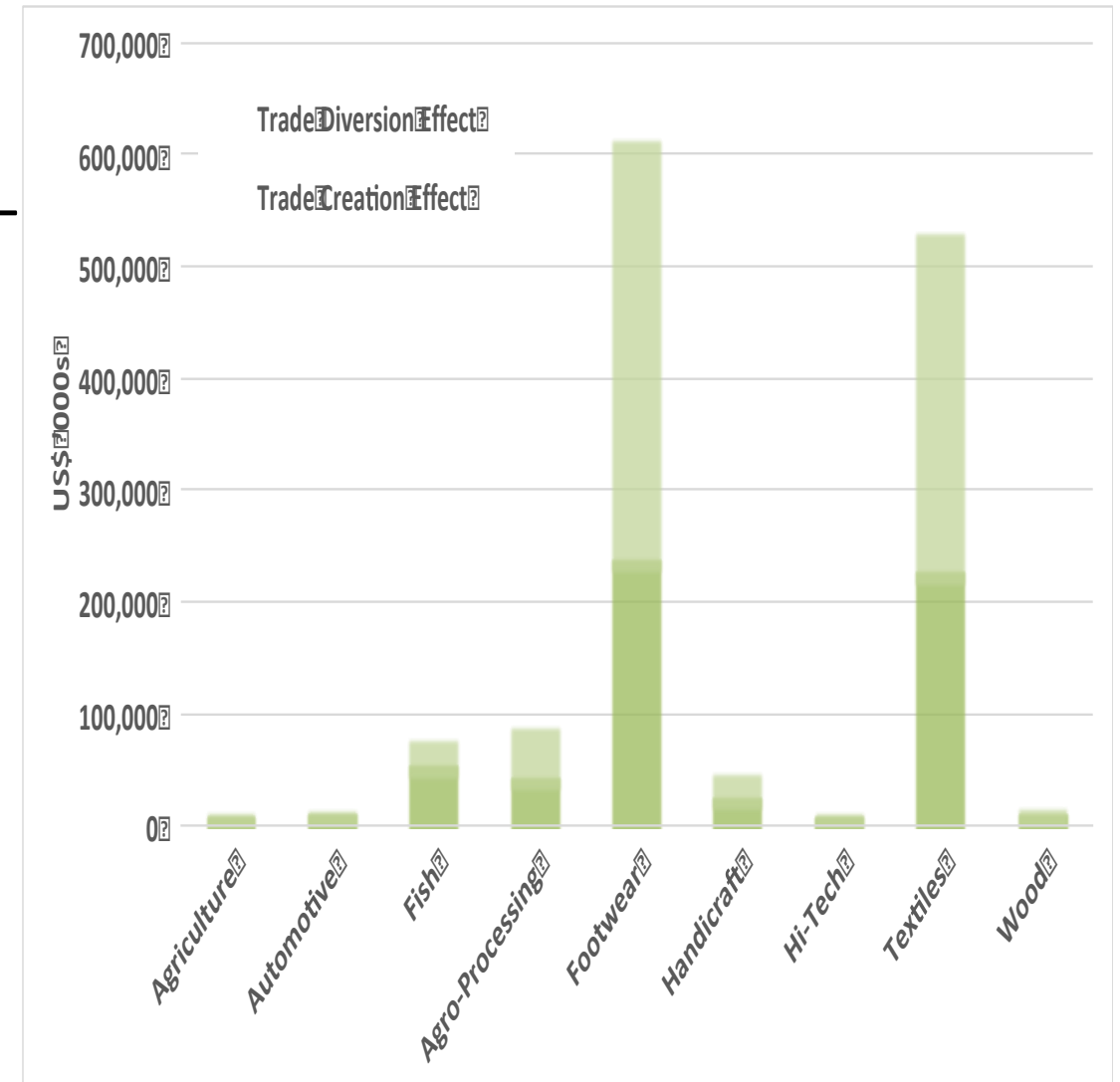
Hiệp định VN-EU FTA
Một số vấn đề liên quan đến đổi
mới thể chế và chính sách

TS.Trần Toàn Thắng

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế TW

Tác động định lượng EU-VN FTA

- GDP: +7-8% (2025)
- Xuất khẩu: + 50% (2020) + 93% (2025) – sản phẩm dệt+16%, quần áo +40%, da +31%
- Nhập khẩu: +43% (2020) + 51%
- Đầu ra: dệt +17%, quần áo +46%, da +33%
- Để hưởng lợi tối đa
 - Quy tắc xuất xứ và hàm lượng nội địa hóa
 - Tuân thủ các yêu cầu SPS, TBT
 - Cải thiện năng lực thể chế
 - Hỗ trợ các thương hiệu quốc gia, khả năng xuất khẩu và phân phối



EU-Hàn Quốc FTA

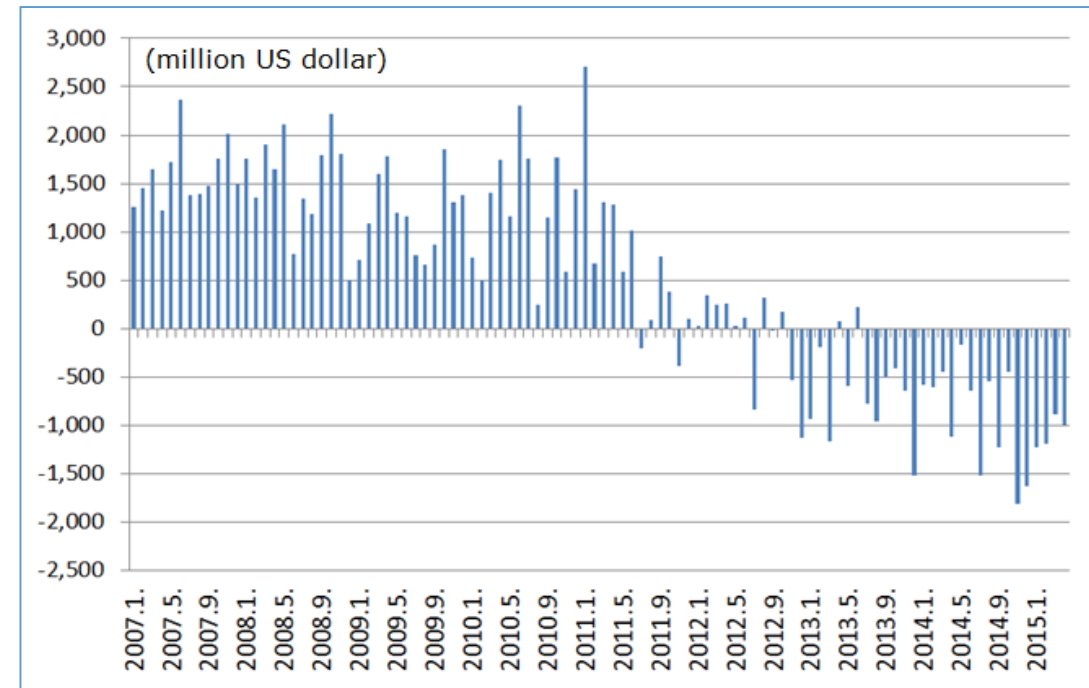
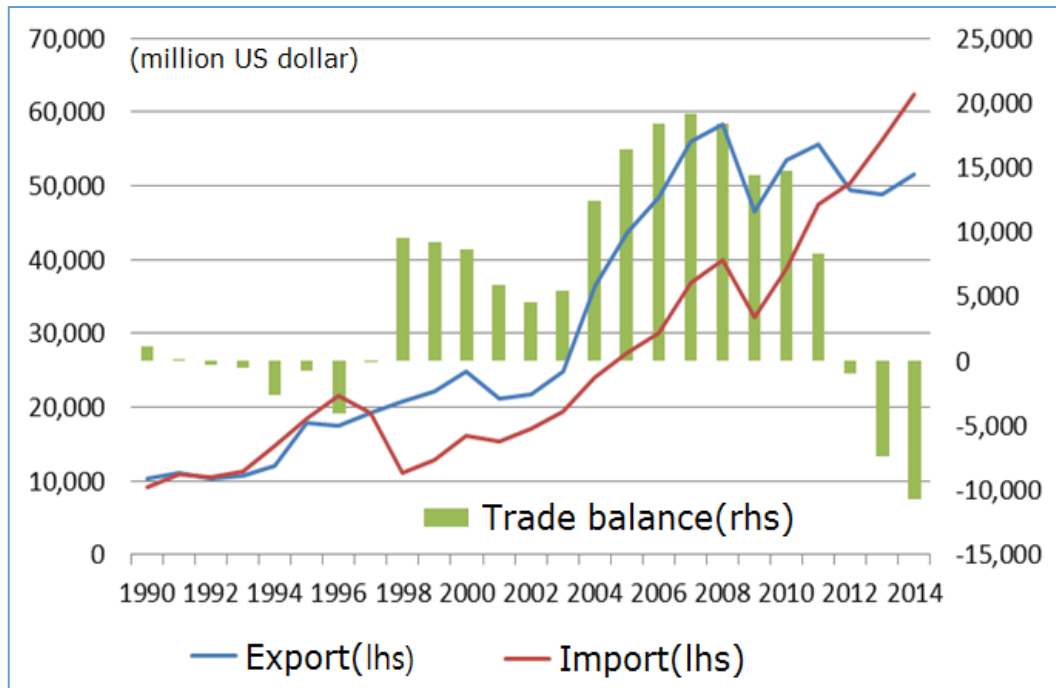
Những dự báo về tác động EKFTA

- Theo Kim et al. (2006) dựa trên mô hình CGE (GTAP), FTA Hàn quốc – EU sẽ mang lại khoảng 0.64~3.08% tăng trưởng GDP Hàn quốc.
- Trong mô hình tĩnh, FTA Hàn quốc– EU sẽ đóng góp **0.64~2.02% vào tăng trưởng GDP Hàn quốc** và **bị 2.11~2.62% trong xuất khẩu Hàn quốc.**
- Trong mô hình tích lũy vốn, FTA Hàn quốc sẽ đóng góp **2.62~4.57% tăng GDP** và **2.11~2.62% trong tỷ lệ tăng xuất khẩu.**

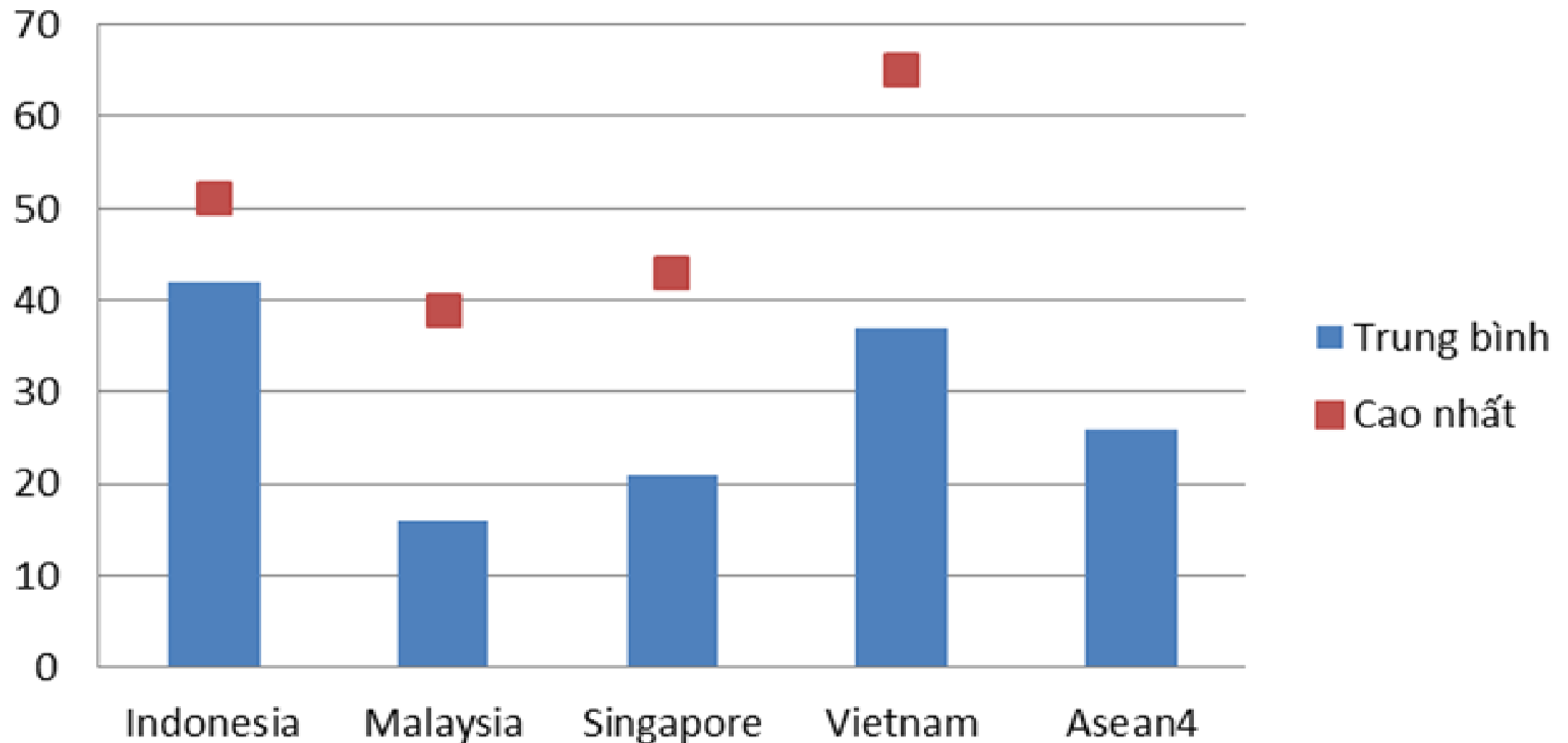
	Mô hình tĩnh			Mô hình tích lũy vốn		
	I	II	III	I	II	III
Các kịch bản						
GDP	0.64	1.97	2.02	1.08	3.04	3.08
Thu nhập	0.67	2.11	2.16	1.01	2.92	2.96
Phúc lợi	0.25	1.30	1.34	0.72	2.42	2.45
Xuất khẩu	2.11	2.70	2.62	2.90	4.57	2.62
Nhập khẩu	2.93	3.95	3.81	3.40	5.08	3.81
Term of trade	0.36	0.66	0.67	0.21	0.30	0.32

Thực tế thương mại của Hàn quốc với EU

- **Thương mại Hàn quốc và EU gia tăng** trừ giai đoạn khủng hoảng tài chính toàn cầu
- Hàn quốc đạt thặng dư thương mại với EU từ năm 1998.
 - **Thặng dư thương mại đạt 19.1 tỷ US\$ năm 2007** trong số các đối tác thương mại
 - EU là đối tác thương mại lớn thứ 3 của hàn quốc 2011(đứng thứ hai năm 2007)
- Thặng dư thương mại giảm từ năm 2009
 - Suy giảm kinh tế tại EU, thay đổi trong cơ cấu nhập khẩu của Hàn quốc, tái phân bố các cơ sở sản xuất của các công ty Hàn quốc
 - **Hàn quốc thâm hụt thương mại với EU năm 2012** (1 tỷ US\$) và thâm hụt nhiều hơn năm 2013 (7.4 tỷ US\$) năm 2014 (10.7 tỷ US\$)

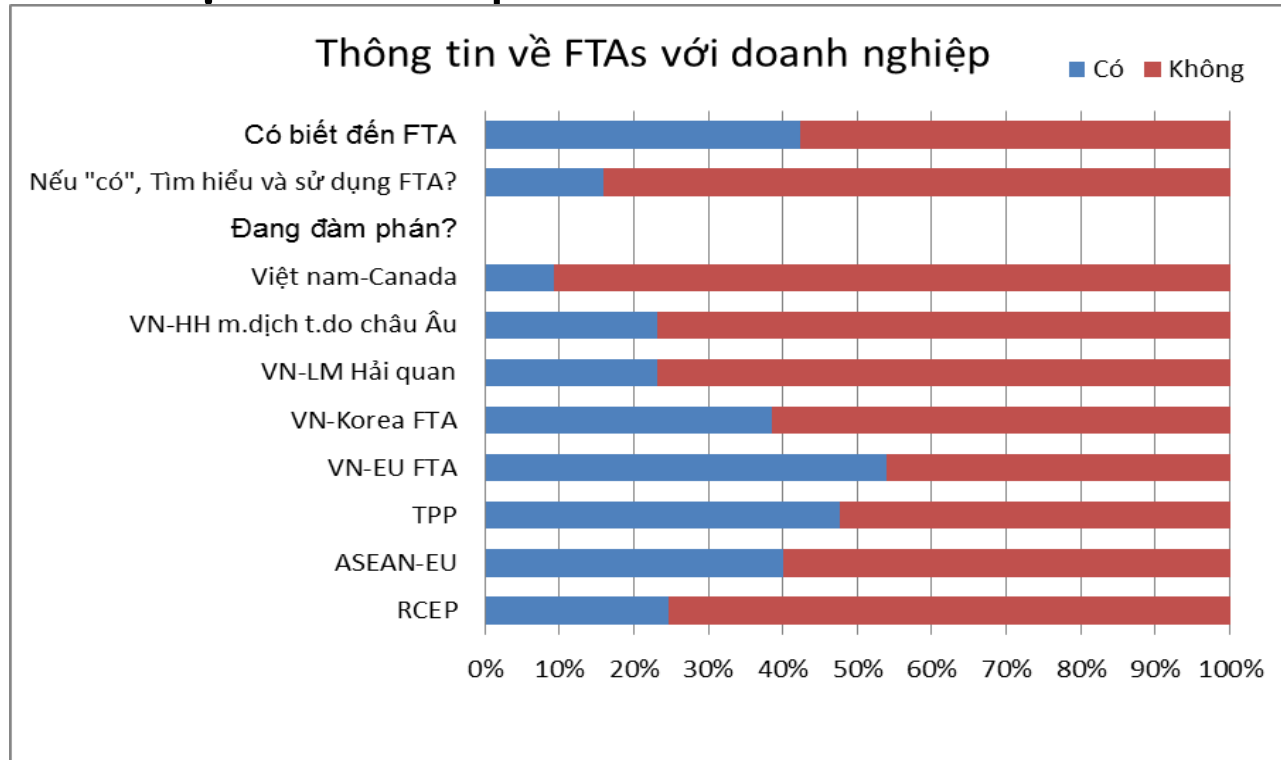


Tỷ lệ sử dụng FTA



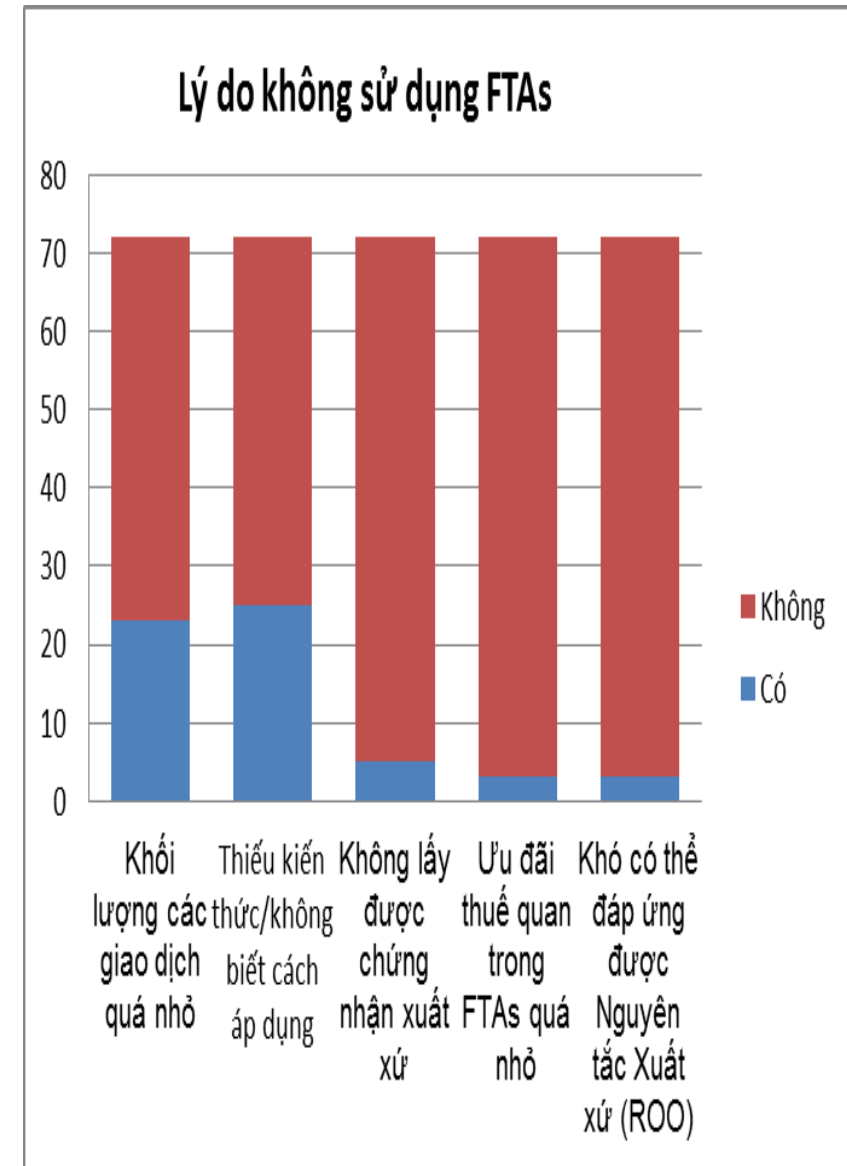
Sẵn sàng của doanh nghiệp

- Một số kết quả khác:



Điều tra của CIEM (đang tiến hành)

Điều tra của DEPOCEN



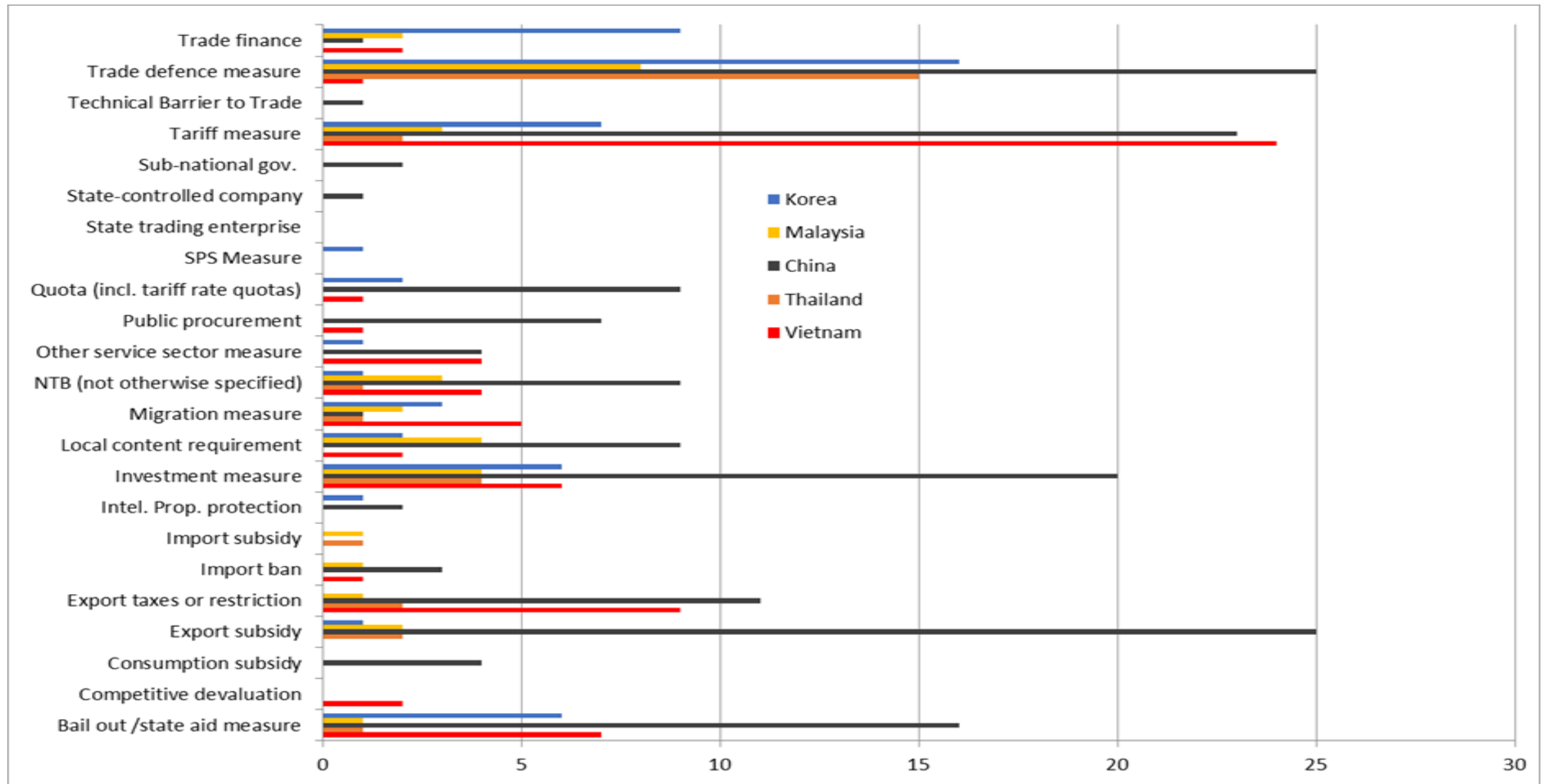
1.Sự sẵn sàng của kinh tế vĩ mô

- Tăng trưởng phục hồi, dấu hiệu tích cực của chu kỳ mới
- Lạm phát được giữ ổn định dưới 2%
- Ổn định tỷ giá, cơ chế điều hành tỷ giá
- Dự trữ ngoại hối tốt
- Kỳ vọng và đồng thuận về các FTA lớn

2. Môi trường kinh doanh

- *Doing Business* (2016), chỉ số Thương mại qua biên giới năm 2016 của Việt Nam giảm một bậc, từ 98 lên 99 trên tổng số 189
- Lực cải cách thủ tục hải quan và thuận lợi hóa thương mại theo Nghị quyết 19 năm 2014 và 2015, khoảng cách về thuận lợi hóa thương mại giữa Việt Nam và nước dẫn đầu vẫn chưa được cải thiện nhiều
- Chi phí không chính thức: Theo kết quả khảo sát, 28% doanh nghiệp được khảo sát cho biết họ phải trả thêm chi phí không chính thức cho hải quan. Riêng ở thành phố Hồ Chí Minh, nơi có hoạt động xuất nhập khẩu lớn nhất cả nước, tỷ lệ này là 53%
- Hiện nay, khó khăn nằm ở các thủ tục kiểm tra chuyên ngành về SPS và TBT của các cơ quan chức năng (Bộ NN, Bộ Y Tế).
- Đề án Giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trong đó chỉ rõ 87 văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm của 13 bộ cần sửa đổi, bổ sung

2. Hàng rào thương mại



3. Môi trường đầu tư

Khởi sự DN

Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp (2014), Chỉ số Khởi sự doanh nghiệp của Việt Nam năm 2016 tăng 6 bậc so với năm 2015, từ 125 lên 119 trên tổng số 189 nước. Vẫn phải cải thiện nhiều: gần 65% doanh nghiệp FDI phải chờ hơn một tháng để hoàn tất thủ tục đầu tư và đi vào hoạt động. 20% số DN này phải chờ hơn 3 tháng mới đi vào hoạt động được (Malesky 2015).

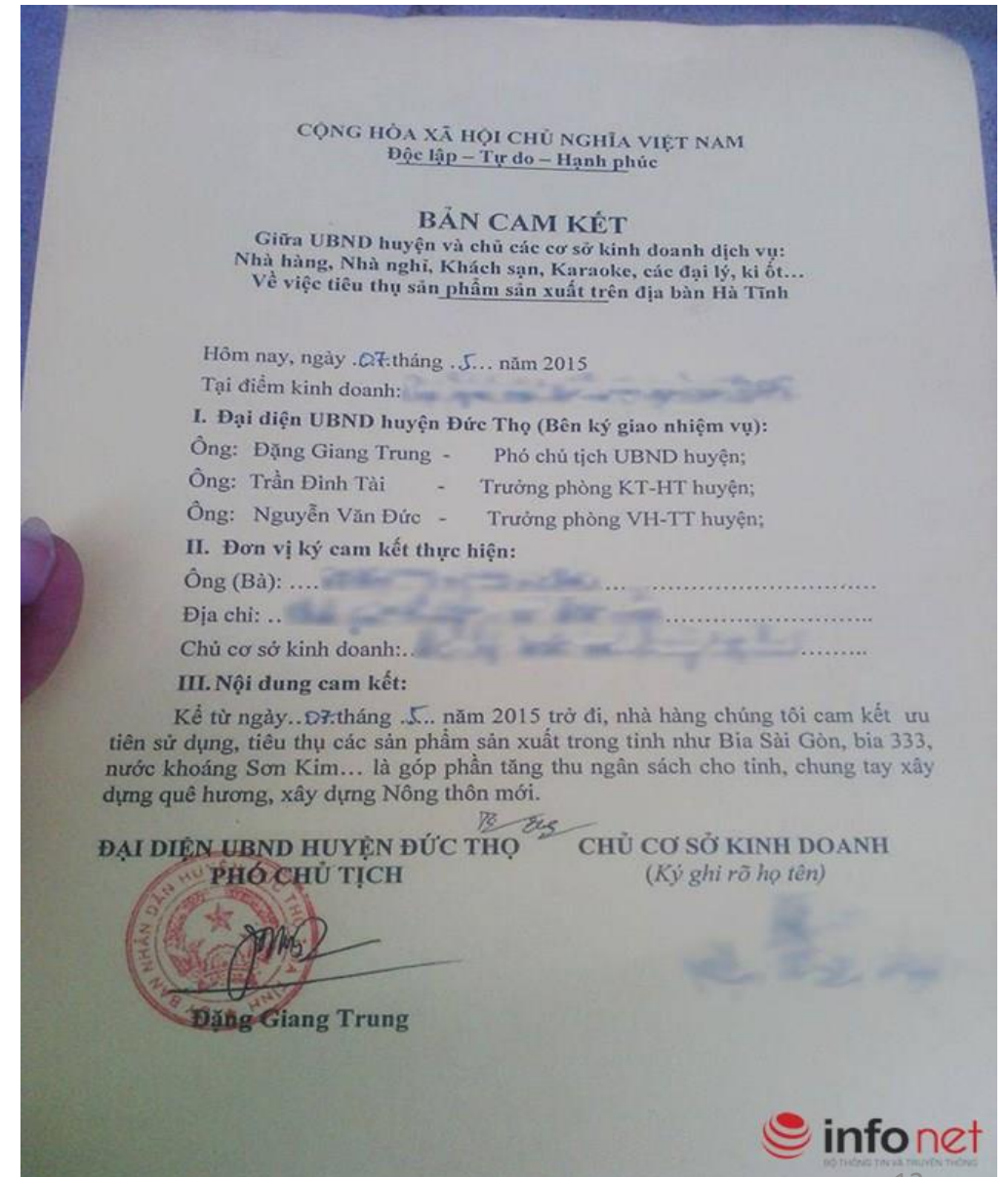
- **Bảo hộ nhà đầu tư** vẫn là một điểm yếu của Việt Nam. Chỉ số Bảo vệ nhà đầu tư của Việt Nam chỉ đạt 4,7/10 điểm, xếp thứ 100/140 (GCI);

- Việt Nam vẫn xếp vị trí 74 về Thực thi hợp đồng với điểm số không thay đổi so với năm trước. Đặc biệt, về Chất lượng của quy trình tư pháp Việt Nam chỉ đạt 6,5/18 điểm so với mức trung bình 7,6 điểm của khu vực Đông Á – Thái Bình Dương.

- Nhu cầu cải cách tư pháp lớn

4. Cạnh tranh và SOEs

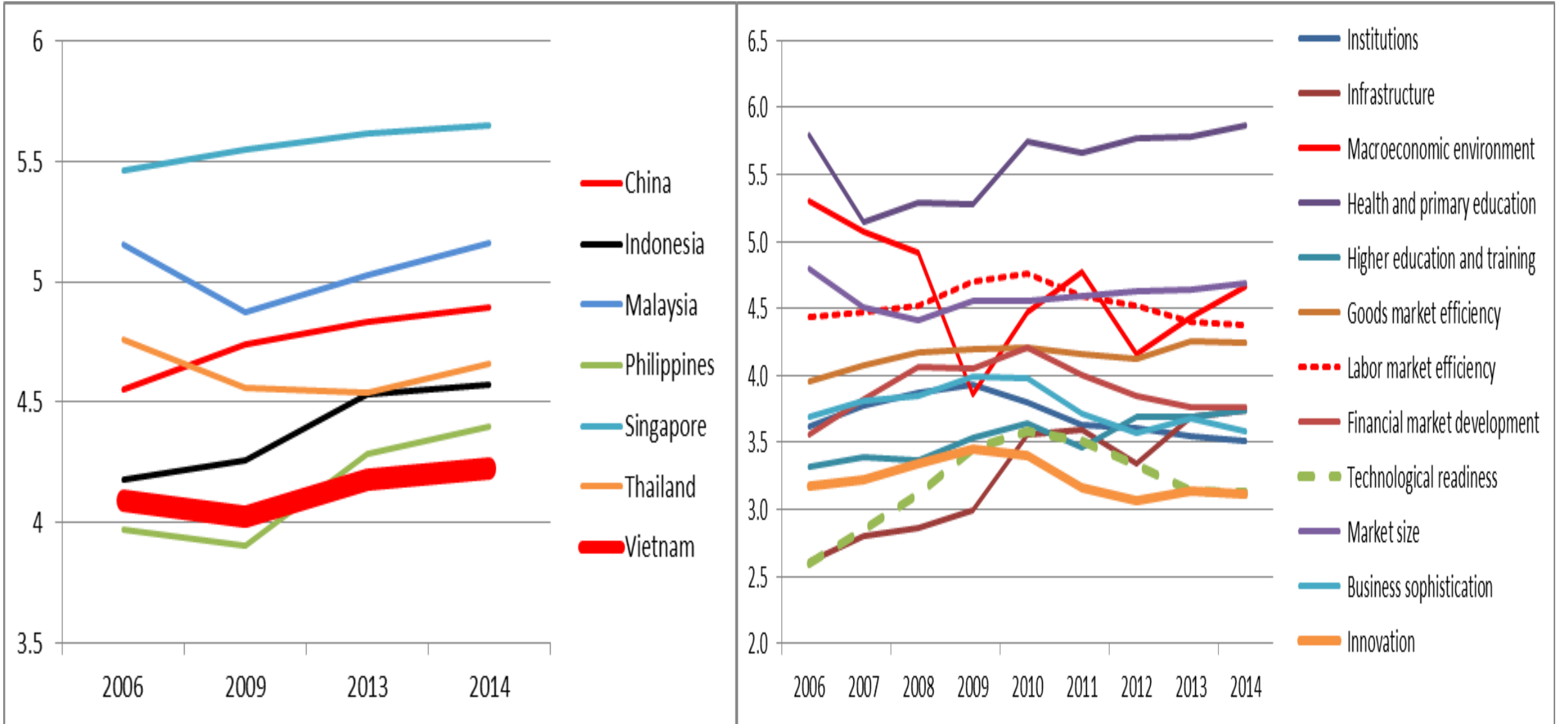
- Báo cáo Chỉ số cạnh tranh toàn cầu (2015) Việt Nam xếp thứ 71/140 về Cạnh tranh thị trường hàng hóa và thứ 77/140 về Hiệu quả của chính sách chống độc quyền
- Luật Cạnh tranh Việt Nam đã được ban hành từ năm 2005 nhưng không có nhiều hiệu quả. Hiện tại Cục quản lý cạnh tranh trực thuộc MOIT
- Đã xuất hiện một số hành vi phản cạnh tranh của chính quyền địa phương, ví dụ như việc chính quyền Hà Tĩnh yêu cầu các cửa hàng cam kết bán bia Sài Gòn. Tuy nhiên, VCA đã không có những hành động xử lý cụ thể



Cạnh tranh và SOEs

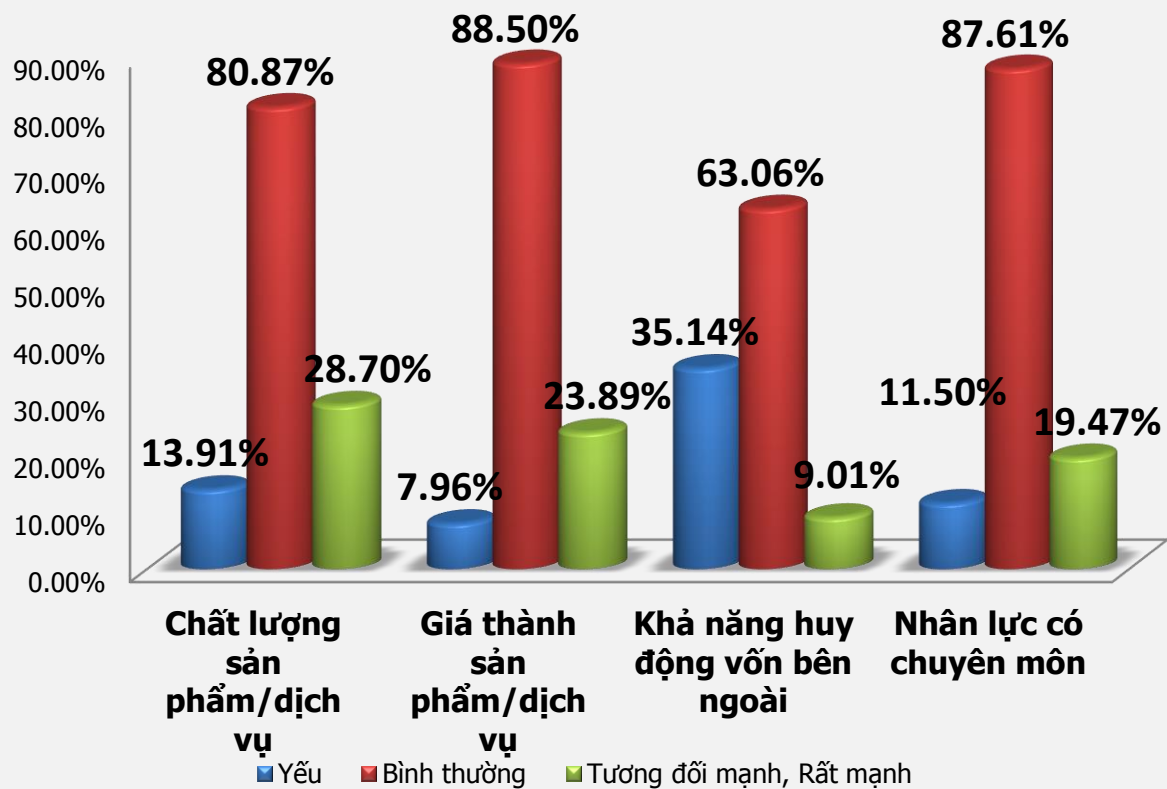
- DNNN- vai trò chủ đạo
- Theo dự thảo nghị định về hàng hóa, dịch vụ, địa bàn thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại, Nhà nước sẽ giữ độc quyền trong 16 lĩnh vực kinh doanh. Một số lĩnh vực không thuộc lĩnh vực cấm, hạn chế đầu tư (Thuốc lá,
- Một số lĩnh vực không quy định, như SOE vẫn chiếm tỷ trọng lớn
- Định nghĩa mới về SOEs và những hệ lụy

Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt nam

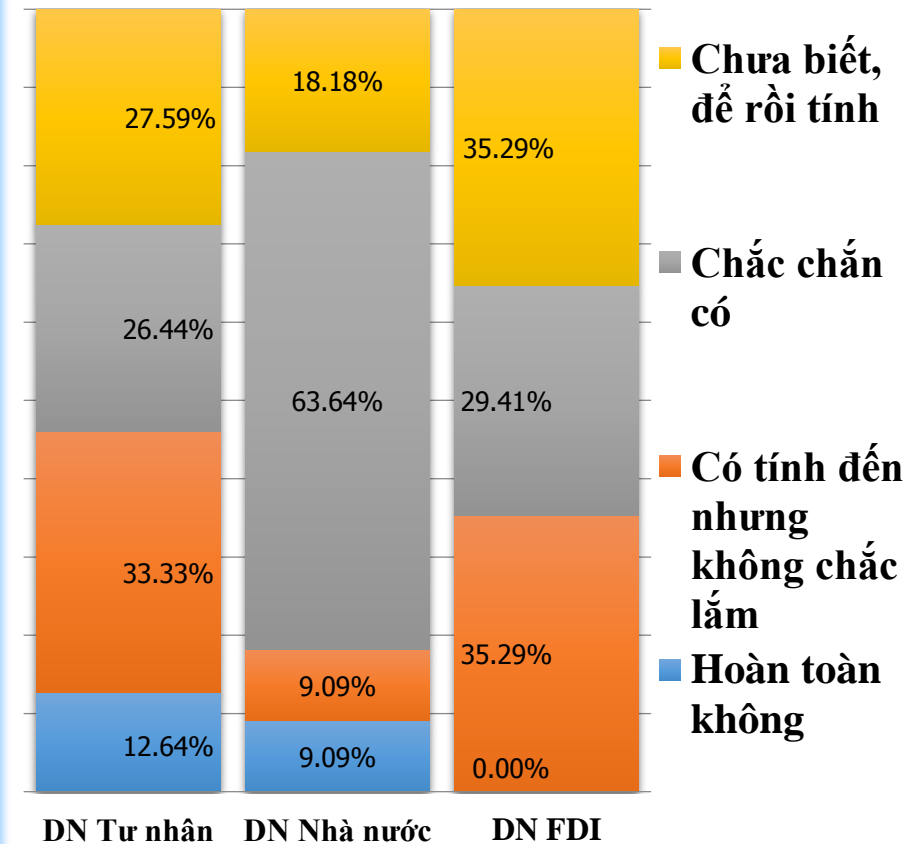


Sẵn sàng của doanh nghiệp

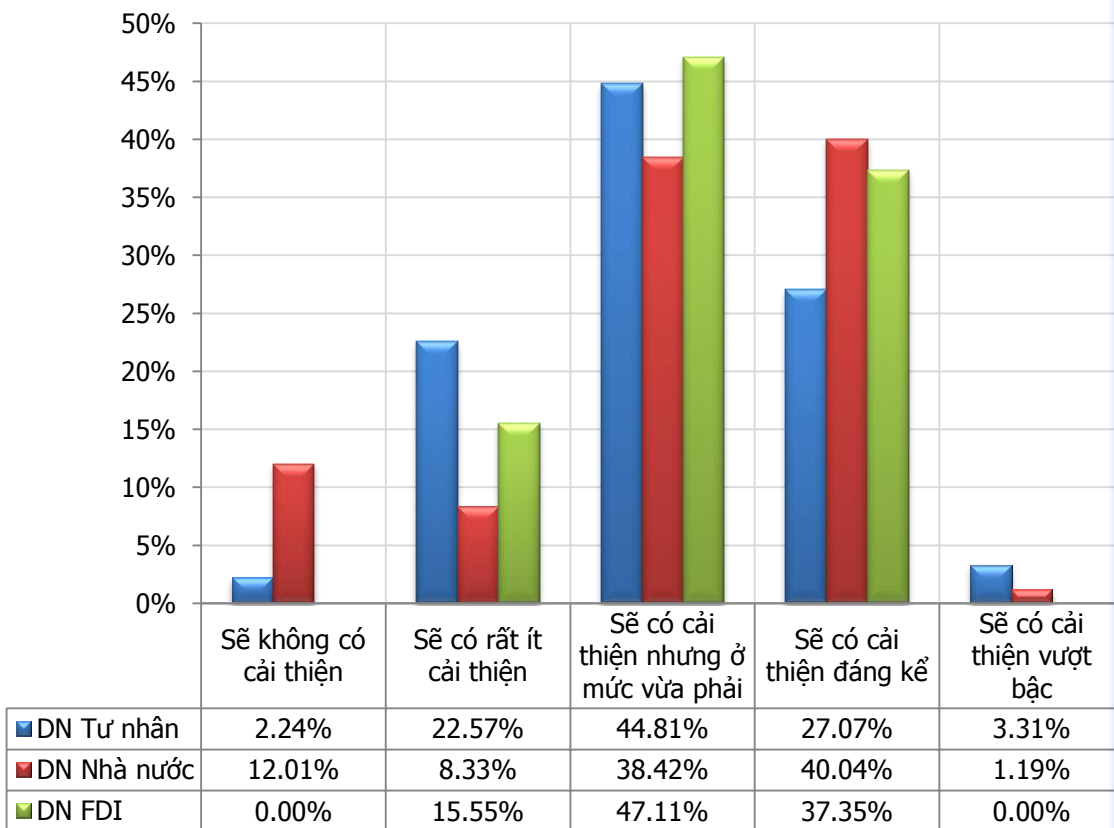
Đánh giá của doanh nghiệp về các lợi thế và bất lợi trong cạnh tranh với đối thủ EU ở thị trường Việt Nam



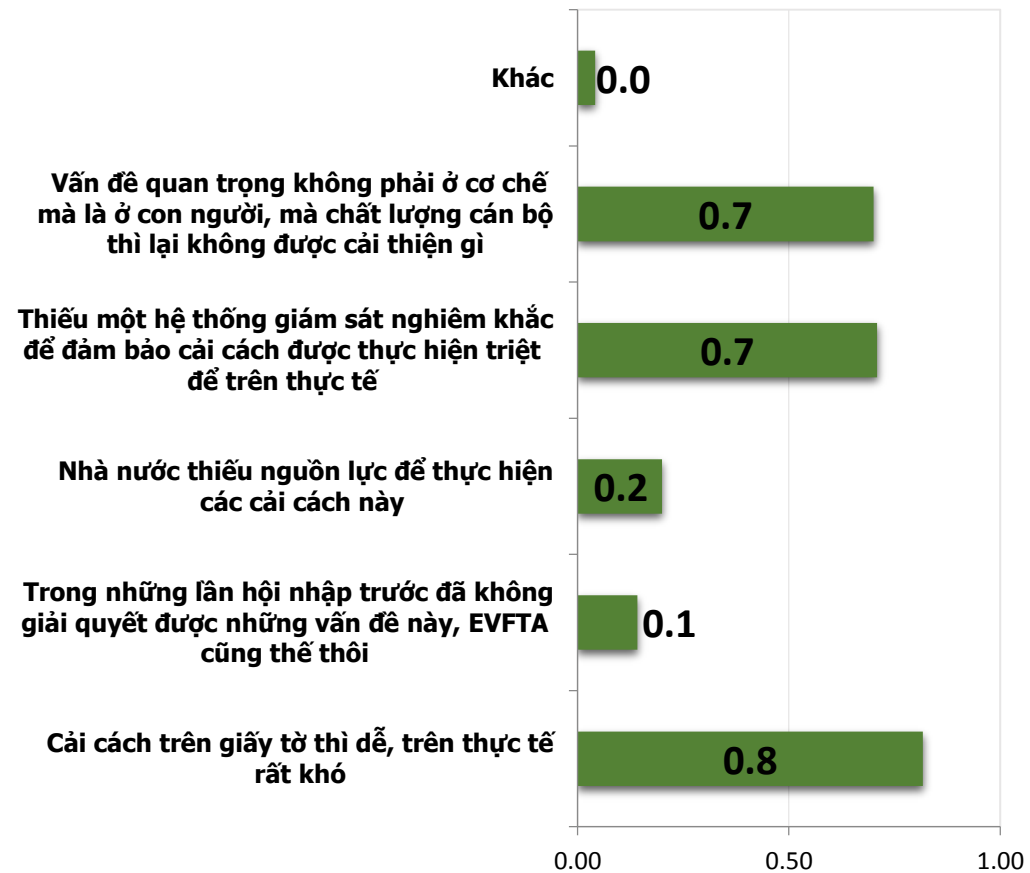
Kế hoạch tăng cường kinh doanh với đối tác EU của Doanh nghiệp Việt Nam



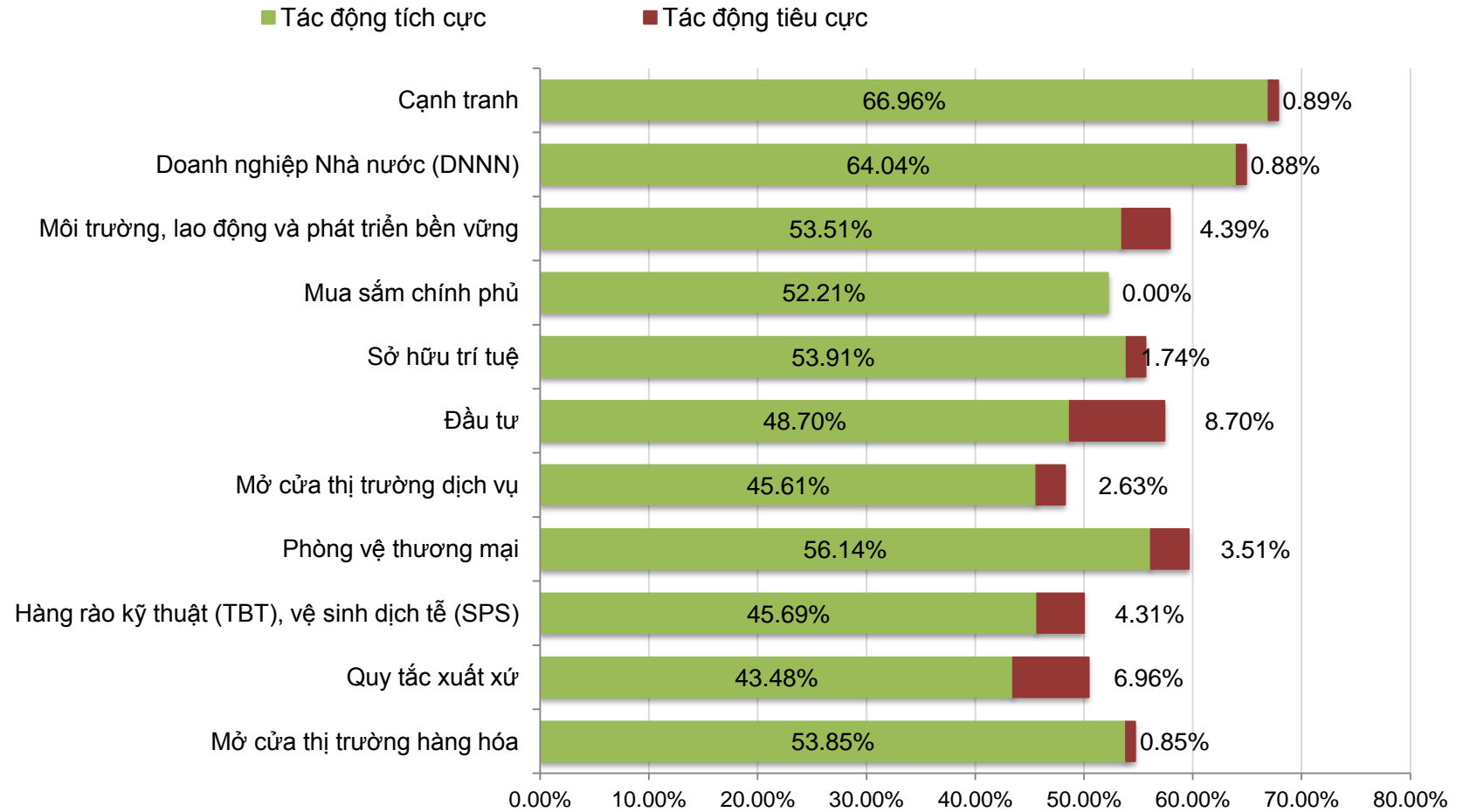
Triển vọng cải thiện môi trường kinh doanh sau EVFTA trong đánh giá của từng nhóm doanh nghiệp



Nguyên nhân cản trở hiệu quả cải cách thể chế sau EVFTA



Đánh giá của doanh nghiệp về tác động của EVFTA ở từng lĩnh vực



FTA và đổi mới thể chế, chính sách

Sự sẵn sàng: - Nền kinh tế
- Doanh nghiệp

Trực tiếp

- Các thiết chế cần thành lập, Hình thành một số tổ chức, ủy ban
- Nội luật hóa các cam kết
- Hàng rào thương mại
- Đảm bảo quyền của nhà đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư
- Không phân biệt đối xử, tạo môi trường bình đẳng, vấn đề Doanh nghiệp nhà nước
- Mua sắm chính phủ: của các bộ, của địa phương
- Môi trường, lao động

Gián tiếp

- Tái cơ cấu, mô hình tăng trưởng
- Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế

Hệ thống luật pháp

- Nhu cầu nội luật hóa các cam kết quốc tế; 1 luật để điều chỉnh hết các cam kết?
- Điều chỉnh hệ thống văn bản, ví dụ rà soát của VCCI liên quan đến Hiệp định tạo thuận lợi thương mại trong khung khổ WTO
- Các bộ ngành cũng đang thực hiện các rà soát

Những nội dung cải cách chủ yếu

Tái cơ cấu và đổi mới mô hình tăng trưởng

Ba trụ cột hiện nay: Tái cơ cấu ngân hàng, Đầu tư công, Doanh nghiệp nhà nước (đủ, thiếu?)

Mô hình tăng trưởng: Tăng trưởng + chất lượng tăng trưởng

Tăng trưởng-(Cận đối vĩ mô, bao trùm, dựa trên năng suất, tiết kiệm tài nguyên và tổn hại môi trường)

Đầu tư công:

Chi đầu tư vs. và chi thường xuyên;

Đầu tư nhà nước vs. đầu tư tư nhân

Đầu tư vs. nợ công

Những nội dung cải cách chủ yếu

Doanh nghiệp nhà nước

- Tái xác định vai trò chức năng vs. “chủ đạo”
- Khung quản trị
- Ràng buộc ngân sách mềm
- Mục tiêu xã hội vs. hoạt động theo cơ chế thị trường

Thể chế:

Phân bổ tối ưu các nguồn lực: Hoạt động của thị trường vốn, lao động và đất đai

Đối tượng dễ tổn thương?

Cảm ơn